

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/KDTM-ST.

Ngày: 13/08/2020.

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Ngọc Lân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Ông Dương Xuân Thìn.
2, Ông Nguyễn Hữu Đệ.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 34/2020/TLST-KDTM ngày 04 tháng 05 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 07 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần bê tông HT; Địa chỉ trụ sở: Lô I-A2, đường 23B, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Đức H - Tổng Giám đốc Công ty.

- *Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Bà Đỗ Thị Phương Th - Trưởng phòng Phòng Hành chính nhân sự (*Giấy ủy quyền số 10/2020/GUQ-TGD ngày 02 tháng 03 năm 2020*).

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần HN; Địa chỉ trụ sở: Thôn L, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Quang S - Giám đốc Công ty.

Có mặt: Bà Th.

Vắng mặt: Ông S.

NHẬN THẤY

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 28 tháng 02 năm 2020 của nguyên đơn là Công ty cổ phần bê tông HT (Từ nay gọi tắt là Công ty HT) và quá trình giải quyết vụ án

tại Tòa án, bà Đỗ Thị Phương Th là người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng mua bán số: 2417/PH/HĐKT/2017 ngày 27 tháng 03 năm 2017; Phụ lục hợp đồng mua bán sản phẩm ống cống bê tông cốt thép và phụ kiện số 2417.1/PH/HĐKT/2017 ngày 05 tháng 07 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng mua bán sản phẩm ống cống bê tông cốt thép và phụ kiện số 2417.2/PH/HĐKT/2017 ngày 05 tháng 10 năm 2017 đã ký giữa đại diện của Công ty cổ phần HN (Từ nay gọi tắt là Công ty HN - Bên A) và Công ty cổ phần bê tông HT (Bên B) thì, Bên B bán cho Bên A hàng hóa là vật liệu ống cống bê tông cốt thép và phụ kiện kèm theo phục vụ thi công công trình: “Xây dựng tuyến đường số 1 vào trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây” với đơn giá, số lượng của 12 chủng loại hàng hóa có trị giá tạm tính là: 761.079.000đ (Bảy trăm sáu mươi một triệu không trăm bảy mươi chín ngàn đồng), đã bao gồm 10% VAT, chi phí vận chuyển tối đa 03 điểm tập kết công trình và chi phí thí nghiệm tại phòng Lasxd 982; Hình thức thanh toán: Chuyển khoản; Phương thức thanh toán: Thời hạn từ ngày 05 đến ngày 10 của tháng kế tiếp giao hàng; Vào ngày 25 hoặc 30 hàng tháng hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng phát sinh trong tháng và Bên A có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị phát sinh cho bên B; Sau khi Bên A thanh toán dứt điểm công nợ cho từng đơn hàng thì Bên B sẽ tiếp tục cấp hàng cho Bên A khi có nhu cầu; Trường hợp Bên A không thanh toán theo đúng thỏa thuận thì Bên B có quyền dừng cấp hàng và mọi tổn thất về việc chậm tiến độ Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm; Bên A phải chịu lãi vay cho khoản công nợ theo lãi suất 0,03% cho mỗi ngày chậm thanh toán; Giá trị quyết toán được căn cứ theo tổng hợp khối lượng thực tế các đợt Bên B giao cho Bên A đến công trường;...

Thực tế, Bên B đã giao cho Bên A với tổng giá trị hàng hóa là: 1.108.119.000đ (Một tỷ một trăm linh tám triệu một trăm mười chín ngàn đồng). Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 10 tháng 02 năm 2020, Bên A đã thanh toán cho Bên B được số tiền là: 751.517.000đ (Bảy trăm năm mươi một triệu năm trăm mười bảy ngàn đồng), còn nợ lại: 356.602.000đ (Ba trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm linh hai ngàn đồng). Do Bên A không thanh toán đúng thời hạn theo thỏa thuận nên Bên B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bên A thanh toán khoản nợ trên và khoản nợ lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận.

Ngày 29 tháng 05 năm 2020, Công ty HN đã thanh toán cho Công ty HT được 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền hàng hóa nữa, còn nợ tiền hàng hóa là: 331.602.000đ (Ba trăm ba mươi một triệu sáu trăm linh hai ngàn đồng) và nợ lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận.

Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hàng hóa và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tính đến ngày xét xử là ngày 13 tháng 08 năm 2020.

Tại Bản tự khai ngày 23 tháng 07 năm 2020 và những lời khai tiếp đó của ông Lê Quang S là đại diện theo pháp luật của bị đơn trong vụ án là Công ty HN có nội dung nhất trí với lời khai của đại diện nguyên đơn về hợp đồng mua bán

đã ký giữa hai bên cũng như số tiền còn nợ chưa thanh toán. Do điều kiện bị đơn chưa được chủ đầu tư của công trình “Xây dựng tuyến đường số 1 vào trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây” thanh toán tiền thi công nên không có tiền trả cho nguyên đơn. Đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện về thời gian, để bị đơn thanh toán dần khoản nợ với mức mỗi tháng trả từ 30 đến 50 triệu đồng cho đến khi hết nợ, hoặc khi nào bị đơn thu hồi được nợ sẽ trả một lần toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa, về cơ bản đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành nghiêm túc qui định về pháp luật tố tụng trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết và xét xử vụ án.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng, đầy đủ các thông báo, quyết định tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Luật Thương mại và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Công ty cổ phần bê tông HT đối với Công ty cổ phần HN.

Án phí: Vụ án được áp dụng án phí có giá ngạch và buộc bị đơn phải nộp.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục:

Ông Lê Quang S là đại diện theo pháp luật của bị đơn trong vụ án là Công ty cổ phần HN vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng ông đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ quy định của khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giành quyền kháng cáo cho đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Theo Hợp đồng mua bán số: 2417/PH/HĐKT/2017 ngày 27 tháng 03 năm 2017; Phụ lục hợp đồng mua bán sản phẩm ống cống bê tông cốt thép và phụ kiện số 2417.1/PH/HĐKT/2017 ngày 05 tháng 07 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng mua bán sản phẩm ống cống bê tông cốt thép và phụ kiện số 2417.2/PH/HĐKT/2017 ngày 05 tháng 10 năm 2017 đã ký giữa đại diện Công ty cổ phần HN (Bên A) và đại diện Công ty cổ phần bê tông HT (Bên B) thì Bên B bán cho Bên A hàng hóa là vật liệu ống cống bê tông cốt thép và phụ kiện kèm theo, phục vụ thi công công trình: “Xây dựng tuyến đường số 1 vào trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây”. Nội dung của Hợp đồng có thỏa thuận các điều khoản về đơn giá, số lượng, chủng loại hàng hóa; Hình thức và phương thức thanh toán;

Trách nhiệm của mỗi bên trong việc thực hiện hợp đồng cũng như nghĩa vụ phải chịu lãi vay cho khoản nợ chậm thanh toán;...

Thực tế, nguyên đơn đã giao cho bị đơn với tổng giá trị hàng hóa là: 1.108.119.000đ (Một tỷ một trăm linh tám triệu một trăm mười chín ngàn đồng). Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 10 tháng 02 năm 2020, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được số tiền là: 751.517.000đ (Bảy trăm năm mươi một triệu năm trăm mười bảy ngàn đồng), còn nợ lại: 356.602.000đ (Ba trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm linh hai ngàn đồng). Do bị đơn không thanh toán đúng thời hạn theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán khoản nợ và nợ lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho mỗi kỳ chốt nợ.

Sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 29 tháng 05 năm 2020, Công ty HN đã thanh toán cho Công ty HT được 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền hàng hóa nữa, còn nợ lại 331.602.000đ (Ba trăm ba mươi một triệu sáu trăm linh hai ngàn đồng) tiền hàng hóa và tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận.

[2.2]. Đánh giá về hợp đồng mua bán đã ký giữa hai bên: Tại thời điểm tham gia giao kết hợp đồng, Công ty cổ phần bê tông HT và Công ty cổ phần HN có đầy đủ tư cách pháp nhân; Các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc; Các điều khoản thỏa thuận của hai bên được ghi trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng mua bán có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết.

Theo nguyên đơn thì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền mua ống cống bê tông cốt thép và phụ kiện kèm theo với số tiền theo các biên bản đối chiếu công nợ nên bị đơn phải chịu lãi chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Cụ thể như sau:

- Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31 tháng 12 năm 2017, số nợ còn là: 529.102.000 đồng; Tiền lãi tính từ ngày 09/08/2018 đến ngày 26/04/2019 là: $556.602.000đ \times 0,03\%/ngày \times 260 \text{ ngày} = 43.414.956 \text{ đồng}$.

- Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31 tháng 07 năm 2018, số nợ còn là: 406.602.000đ đồng; Tiền lãi tính từ ngày 27/04/2019 đến ngày 21/05/2019 là: $406.602.000đ \times 0,03\%/ngày \times 24 \text{ ngày} = 2.927.534 \text{ đồng}$.

- Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 10 tháng 02 năm 2020, số tiền còn nợ là: 356.602.000 đồng; Tiền lãi tính từ ngày 22/05/2019 đến ngày 29/05/2020 là: $356.602.000đ \times 0,03\%/ngày \times 373 \text{ ngày} = 39.903.763 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi của khoản nợ 331.602.000 đồng, tính từ ngày 30/05/2020 đến ngày 13/08/2020 là: $331.602.000đ \times 0,03\%/ngày \times 75 \text{ ngày} = 7.461.045 \text{ đồng}$.

Cộng tiền lãi chậm trả là: 93.707.299 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi chậm thanh toán tiền hàng hóa tính đến ngày 13 tháng 08 năm 2020 là: $331.602.000đ + 93.707.299đ = 425.309.299đ$ (Bốn trăm hai mươi lăm triệu ba trăm linh chín ngàn hai trăm chín chín đồng).

Qua xem xét, tính toán mức lãi suất thỏa thuận ghi trong hợp đồng là 0,03%/ngày, 0,9%/tháng và 10,8%/năm với thời gian chậm trả của Công ty Hồng

Nam như cách tính của Công ty HT nêu trên đối chiếu với lãi suất quy định cho vay của 03 ngân hàng trên địa bàn huyện Đ là: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội là 7,5%/năm, Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh là 9,1%/năm và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh là 9,3%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

Điều 306. Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán:

“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về mức lãi suất chậm trả nêu trên là có căn cứ chấp nhận. Trách nhiệm trả nợ hoàn toàn thuộc về Công ty HN.

Ông Lê Quang S đề nghị được thanh toán dần khoản nợ mỗi tháng từ 30 đến 50 triệu đồng kể từ tháng 09 năm 2020 cho đến khi hết nợ hoặc trả một lần khi nhận được tiền của chủ đầu tư nhưng nguyên đơn không đồng ý, yêu cầu của đại diện bị đơn không phù hợp với nội dung thỏa thuận được ghi trong Hợp đồng mua bán và các Phụ lục hợp đồng kèm theo giữa hai bên, không phù hợp với pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Công ty cổ phần HN phải nộp 21.016.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

[3.2]. Công ty cổ phần bê tông HT được chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;
- Khoản 1 Điều 30; Điều 220; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;
- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bê tông HT đối với Công ty cổ phần HN.

2/ Buộc Công ty cổ phần HN thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông HT số tiền mua bán sản phẩm ống cống bê tông cốt thép và phụ kiện là: 425.309.299đ (Bốn trăm hai mươi lăm triệu ba trăm linh chín ngàn hai trăm chín chín đồng), (Trong đó: Nợ tiền hàng hóa là: 331.602.000 đồng; Nợ lãi chậm trả là: 93.707.299 đồng).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: 21.012.300đ (Hai mươi một triệu không trăm mười hai ngàn ba trăm đồng) (Làm tròn số), Công ty cổ phần HN phải chịu cả để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Hoàn lại cho Công ty cổ phần bê tông HT 9.672.000đ (Chín triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0016086 ngày 04 tháng 05 năm 2020, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh trả.

4/ Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần bê tông HT có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty cổ phần HN có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

5/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ đối với khoản tiền chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp Quyết định thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lân

